

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2019

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Song

Ông Đỗ Văn Chúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa là thư ký Tòa án.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 316/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16a/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Chị Đặng Thị M, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Cây D, xã Thanh M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Lâm Văn S có ý kiến: Anh với chị M trước khi tiến đến hôn nhân cả hai có tìm hiểu nhau trước được 04 năm và sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, anh chị tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh M vào năm 2005. Sau ngày cưới anh chị làm ruộng và sống hạnh phúc với nhau đến năm 2010 thì chị M đi thành phố Hồ Chí Minh làm, kể từ thời gian này chị M đi không thấy về, anh đã tìm mọi cách để tìm chị M nhưng không có thông tin gì của chị M, kể cả liên hệ với cha mẹ, người thân, bạn bè của chị M cũng không ai biết chị M hiện đang ở địa chỉ nào, điện thoại cũng không có số để liên hệ. Đến tháng 09 năm 2018 anh S có yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Đặng Thị M mất tích. Đến ngày 25/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tuyên bố chị Đặng Thị M đã mất tích từ ngày 01/01/2011. Nay anh S nhận thấy không thể nào chờ đợi chị M là một người mất tích gần 10 năm, trong suốt thời gian này anh và con tự bảo bọc nhau sống,

nay anh S xét thấy không còn tình cảm với chị M, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn chị Đặng Thị M.

Về con chung: Có 01 người con chung là Lâm Thủy T, sinh ngày 13/8/2007. Hiện anh đang nuôi dưỡng, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Anh S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn anh Lâm Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Đặng Thị M, trú tại ấp Cây D, xã Thanh M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, anh S, chị M có 01 người con chung là Lâm Thủy Tiên, sinh ngày 13/8/2007, về tài sản, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị anh Lâm Văn S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ, chị Đặng Thị M bị tuyên bố mất tích, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ hai lần nhưng không chị M vẫn không có mặt tham dự phiên tòa. Nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại 207, 208, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh S và chị M sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, anh chị đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh M vào năm 2005, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân anh S và chị M sống hạnh phúc đến năm 2010 thì chị M đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê nhưng mất tích không liên hệ được cho đến nay. Vào ngày 25/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tuyên bố chị Đặng Thị M đã mất tích từ ngày 01/01/2011.

Xét thấy trong suốt thời gian gần 09 năm anh S sống chờ đợi chị M về nhưng chị M không tin tức, mà đúng nghĩa vợ chồng phải cùng chung sống với nhau, cùng nhau chăm sóc cho nhau, thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng. Trong khoảng thời gian dài anh S sống một mình nên mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”. Do đó đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lâm Văn S

Về con chung: Anh S, chị M có 01 người con chung là Lâm Thủy T, sinh ngày 13/8/2007. Do chị M đã mất tích nên Hội đồng xét xử quyết định giao con

chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh S không yêu cầu nên không xem xét

Về tài sản, nợ chung: Anh Lâm Văn S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Lâm Văn S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lâm Văn S đối với chị Đặng Thị M

Về hôn nhân: Anh Lâm Văn S và chị Đặng Thị M được ly hôn

Về con chung: Anh Lâm Văn S được tiếp tục nuôi con chung là Lâm Thủy T, sinh ngày 13/8/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lâm Văn S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của chung, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như quyết định phân cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Văn S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến

2/ Về án phí: Anh Lâm Văn S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đ (ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003249 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Anh S đã nộp xong án phí

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh M;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Hiệp